

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính được chuẩn hóa
lĩnh vực nông nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3432/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực nông nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

2. Bãi bỏ Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

3. Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp (số thứ tự 50, 51, 52) ban hành kèm theo Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 123 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung 03 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng KT, TTPVHCC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Tam

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH ĐỘNG CHUẨN HÓA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực: Nông nghiệp				
1	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
2	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
3	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông

Phụ lục II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP

1. Thủ tục: Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số: 1.003388 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) hoặc trực tuyến.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định có từ 7 đến 9 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo; 01 thư ký và 01 chuyên viên phụ trách lĩnh vực nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính (01 cán bộ lĩnh vực tài chính và 01 cán bộ lĩnh vực kế hoạch và đầu tư); Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt. Tổ thẩm định có trách nhiệm đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập biên bản họp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp, trên cơ sở kết quả họp Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ **Bước 5:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng hợp từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng

công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải có thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- **Thành phần hồ sơ¹:**

+ Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo mẫu 01 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ doanh nghiệp đã được cấp;

+ Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg; các minh chứng cho các nội dung thuyết minh gồm: Bản sao báo cáo Tài chính của doanh nghiệp 02 năm liền kê trước khi đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bản sao các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua vật tư thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ, sản phẩm... của Doanh nghiệp; bản sao hợp đồng lao động, bằng cấp của lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đang trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển tại doanh nghiệp; bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn còn hiệu lực của sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất; bản sao văn bản minh chứng về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền cấp.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 (hai) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 18 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp).

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

¹ Thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo mẫu 01 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);

+ Bản thuyết minh doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện cụ thể sau đây:

+ Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 của Luật công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

+ Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm.

+ Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%.

+ Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

..... (tên Doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị công nhận doanh
 nghiệp nông nghiệp ứng dụng
 công nghệ cao

....., ngày.... tháng.... năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.... (tỉnh, thành phố...).....

Căn cứ Quyết định số.../2018/QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,..... (tên Doanh nghiệp)... xin gửi tới Ủy ban nhân dân.... (tỉnh, thành phố...)..... Hồ sơ đề nghị xem xét công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp:.....
 - Tên viết tắt (nếu có):.....
 - Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
2. Trụ sở chính:.....
 - Địa chỉ:.....
 - Số điện thoại:..... Fax:.....
3. Đại diện doanh nghiệp:.....
 - Họ và tên:..... chức vụ..... giới tính.....
 - Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
 - Hộ khẩu thường trú hoặc nơi thường trú (đối với người nước ngoài):
4. Hồ sơ kèm theo gồm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, số..... do..... cấp, ngày..... tháng..... năm.....;
 - Bản Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số...../2018/QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của đơn vị trước pháp luật.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân.... (tỉnh, thành phố...)..... xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực.... (ghi rõ lĩnh vực cụ thể đề nghị công nhận)...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:.....
 - Tên viết tắt (nếu có):.....
 - Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
2. Trụ sở chính:.....
 - Địa chỉ:.....
 - Số điện thoại:..... Fax:.....
3. Đại diện doanh nghiệp:.....
 - Họ và tên:..... chức vụ..... giới tính.....
 - Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:.... do..... cấp ngày... tháng..... năm...
 - Hộ khẩu thường trú/nơi thường trú (đối với người nước ngoài):.....
4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (số..... nơi cấp....., ngày..... tháng..... năm.....).
 - Tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và những văn bản liên quan kèm theo.
5. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20... - 20...

(Nêu những hoạt động của doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, cần tập trung vào đánh giá kết quả hoạt động công nghệ cao trong 5 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)

1. Lĩnh vực công nghệ cao trong nông nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Liệt kê những lĩnh vực công nghệ cao (Công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các quy trình công nghệ tiên tiến...) mà doanh nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã sản xuất, kèm theo các minh chứng).

2. Hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp (Nêu những nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp: Tên đề tài, dự án các cấp (kể cả dự án cấp cơ sở do doanh nghiệp đầu tư kinh phí), kết quả đạt được, kinh phí, kèm theo các văn bản minh chứng).

3. Kết quả hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Nêu cụ thể kết quả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kèm theo các minh chứng).

4. Về việc áp dụng biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng.

(Nêu tóm tắt các biện pháp thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng, kèm theo các minh chứng).

5. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp

(Nêu tổng chi phí chi cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, so sánh với tổng doanh thu hàng năm).

6. Nhân lực của doanh nghiệp

(Nêu số lao động của doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên thực hiện nghiên cứu và phát triển, so sánh với tổng số lao động ký hợp đồng làm việc dài hạn của đơn vị, kèm theo minh chứng).

7. Các hoạt động khác (nếu có).

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20.. - 20...

(Nêu tóm tắt phương hướng và những hoạt động của doanh nghiệp trong 05 năm tới liên quan đến hoạt động, nghiên cứu, trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp).

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Doanh nghiệp tự đánh giá đã đáp ứng đủ tiêu chí để công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận và những đề nghị khác - nếu có)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC KÈM THEO THUYẾT MINH

Các văn bản, minh chứng liên quan đến các nội dung kê khai của Thuyết minh gồm
có:.....

2. Thủ tục: Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số: 1.003371 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Trước thời hạn Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hết hiệu lực 45 ngày, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) hoặc trực tuyến.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định có từ 7 đến 9 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo; 01 thư ký và 01 chuyên viên phụ trách lĩnh vực nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính (01 cán bộ lĩnh vực tài chính và 01 cán bộ lĩnh vực kế hoạch và đầu tư); Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt. Tổ thẩm định có trách nhiệm đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập biên bản họp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp, trên cơ sở kết quả họp Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ **Bước 5:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng hợp từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải có thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ:

<https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:
<https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần hồ sơ²:

(i) Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao* (theo mẫu 01 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);

(ii) Bản thuyết minh theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 4 Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018. Thuyết minh cần tập trung vào đánh giá kết quả hoạt động công nghệ cao trong 5 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*.

- Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ.

- Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp).

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(i) Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo mẫu 01 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);

(ii) Bản thuyết minh doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện cụ thể sau đây:

+ Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 của Luật công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

² Thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa

+ Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm.

+ Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%.

+ Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

..... (tên Doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị công nhận doanh
 nghiệp nông nghiệp ứng dụng
 công nghệ cao

....., ngày.... tháng.... năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.... (tỉnh, thành phố...).....

Căn cứ Quyết định số.../2018/QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,..... (tên Doanh nghiệp)... xin gửi tới Ủy ban nhân dân.... (tỉnh, thành phố...)..... Hồ sơ đề nghị xem xét công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp:.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

- Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

2. Trụ sở chính:.....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

3. Đại diện doanh nghiệp:.....

- Họ và tên:..... chức vụ..... giới tính.....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

- Hộ khẩu thường trú hoặc nơi thường trú (đối với người nước ngoài):

4. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, số..... do..... cấp, ngày..... tháng..... năm.....;

- Bản Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số...../2018/QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của đơn vị trước pháp luật.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân.... (tỉnh, thành phố...)..... xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực.... (ghi rõ lĩnh vực cụ thể đề nghị công nhận)...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:.....
 - Tên viết tắt (nếu có):.....
 - Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
2. Trụ sở chính:.....
 - Địa chỉ:.....
 - Số điện thoại:..... Fax:.....
3. Đại diện doanh nghiệp:.....
 - Họ và tên:..... chức vụ..... giới tính.....
 - Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:.... do..... cấp ngày... tháng..... năm...
 - Hộ khẩu thường trú/nơi thường trú (đối với người nước ngoài):.....
4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (số..... nơi cấp....., ngày..... tháng..... năm.....).
 - Tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và những văn bản liên quan kèm theo.
5. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20... - 20...

(Nêu những hoạt động của doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, cần tập trung vào đánh giá kết quả hoạt động công nghệ cao trong 5 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)

1. Lĩnh vực công nghệ cao trong nông nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Liệt kê những lĩnh vực công nghệ cao (Công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các quy trình công nghệ tiên tiến...) mà doanh nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã sản xuất, kèm theo các minh chứng).

2. Hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp (Nêu những nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp: Tên đề tài, dự án các cấp (kể cả dự án cấp cơ sở do doanh nghiệp đầu tư kinh phí), kết quả đạt được, kinh phí, kèm theo các văn bản minh chứng).

3. Kết quả hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Nêu cụ thể kết quả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kèm theo các minh chứng).

4. Về việc áp dụng biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng.

(Nêu tóm tắt các biện pháp thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng, kèm theo các minh chứng).

5. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp

(Nêu tổng chi phí chi cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, so sánh với tổng doanh thu hàng năm).

6. Nhân lực của doanh nghiệp

(Nêu số lao động của doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên thực hiện nghiên cứu và phát triển, so sánh với tổng số lao động ký hợp đồng làm việc dài hạn của đơn vị, kèm theo minh chứng).

7. Các hoạt động khác (nếu có).

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20.. - 20...

(Nêu tóm tắt phương hướng và những hoạt động của doanh nghiệp trong 05 năm tới liên quan đến hoạt động, nghiên cứu, trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp).

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Doanh nghiệp tự đánh giá đã đáp ứng đủ tiêu chí để công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận và những đề nghị khác - nếu có)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC KÈM THEO THUYẾT MINH

Các văn bản, minh chứng liên quan đến các nội dung kê khai của Thuyết minh gồm có:.....

3. Thủ tục: Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (Mã số: 1.003618 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) hoặc trực tuyến trước ngày 30/9 hàng năm.

+ **Bước 2:** Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí và trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/11 hàng năm;

+ **Bước 3:** Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc phân cấp cho cơ quan trực thuộc phê duyệt kế hoạch khuyến nông trước ngày 30/11 hàng năm và công bố theo quy định.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần hồ sơ:

+ Đề xuất kế hoạch khuyến nông*;

+ Dự toán kinh phí*.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 60 ngày.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến nông.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:** Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông./.

* Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc